

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 64/2021/DS-ST

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Cảnh Toàn**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Đăng Huân** và ông **Y Míp Niê**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Thị Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Cát Canggih** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLST-DS ngày 24/02/2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-DS ngày 22/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2021/QĐST-DS ngày 13/7/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Số N, HV, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 918/BH ngày 01/6/2021): Ông Nguyễn Cao T – Chức vụ: Phó giám đốc PGD K thuộc Chi nhánh NH TMCP đầu tư và phát triển B.

Địa chỉ: số 105, Nguyễn Tất T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Địa chỉ: thôn B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2021 và bản tự khai ngày 16/3/2021, đại diện nguyên đơn trình bày: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 02/2019/9645768/HĐTD ngày 21/5/2019 đã ký giữa ông Đinh Hoàng T với ngân hàng T thì số tiền vay là 130.000.000

đồng, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày 21/5/2019 đến 21/4/2020, lãi suất 10,9%/ năm, mục đích vay chăm sóc 0,5ha cà phê, tiêu và đầu tư trồng tiêu, lịch trả nợ gốc ngày 21/4/2020 trả số tiền 130.000.000 đồng. Ngày 22/6/2020, đã trả được 10.000.000 đồng nợ gốc và ngày 21/8/2019 đã trả được 3.571.616 đồng nợ lãi + ngày 25/11/2019 đã trả được 3.551.061 đồng nợ lãi + ngày 08/5/2020 đã trả được 500.000 đồng nợ lãi.

Dư nợ tính đến ngày 08/01/2021 là 141.083.138 đồng, trong đó nợ gốc 120.000.000 đồng, lãi trong hạn 14.975.014 đồng + lãi quá hạn 4.787.041 đồng + lãi chậm trả đối với lãi 1.321.083 đồng.

Tài sản thế chấp là bất động sản theo giấy chứng nhận QSD đất số BT 095442 do UBND huyện K cấp ngày 08/10/2015, diện tích 4.590m² tại thôn G - xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk đã được đăng ký biến động sang tên cho ông Đinh Hoàng T và bà Nguyễn Thị Mỹ N. Hồ sơ tài sản thế chấp đầy đủ và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Mặc dù nhiều lần ngân hàng đã đến thông báo nợ và làm việc nhưng khách hàng đều vắng mặt và không chịu trả, không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N phải thanh toán cho ngân hàng số tiền đã vay là, cụ thể nợ gốc 120.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 08/01/2021, bao gồm: lãi trong hạn 14.975.014 đồng + lãi quá hạn 4.787.083 đồng + lãi chậm trả đối với lãi 1.321.083 đồng. Số tiền lãi phát sinh sau ngày 08/01/2021 đến khi khách hàng thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Nếu trường hợp ông Thúc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì tài sản đã thế chấp được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N nhưng các đương sự đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện và đề nghị ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N phải trả cho ngân hàng số nợ gốc 120.000.000 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày 30/7/2021 là 31.486.091 đồng (trong đó, lãi trong hạn 22.249.644 đồng + lãi quá hạn 8.424.356 đồng + lãi chậm trả đối với lãi 812.091đồng), tổng cộng là 151.486.091đồng. Ông Đinh Hoàng T bà Nguyễn Thị Mỹ N phải tiếp tục chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất của hợp đồng vay đã ký kết tính từ sau ngày 30/7/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Nếu ông T, bà N không trả hoặc trả không đủ số nợ cho ngân hàng thì tài sản đã thế chấp theo giấy chứng nhận QSD đất số BT095442 được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Bị đơn Đinh Hoàng T, Nguyễn Thị Mỹ N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng và đủ tư cách các đương sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán điều hành trình tự theo đúng thủ tục, đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng T để buộc ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N phải trả cho ngân hàng số tiền đã vay và nợ, trong đó gốc 120.000.000 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày 30/7/2021 là 31.486.091 đồng, tổng cộng là 151.486.091 đồng. Ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu lãi phát sinh kể từ sau ngày 30/7/2021 đến khi trả xong nợ theo mức lãi như hợp đồng đã ký. Sau khi ông T, bà N trả xong nợ thì ngân hàng phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất cho ông T, bà N; nếu không trả hoặc trả không đủ khi bản án đã có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng có quyền xử lý các tài sản đã thế chấp theo thủ tục thi hành án dân sự. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật: Ngân hàng T khởi kiện ông Đinh Hoàng T và bà Nguyễn Thị Mỹ N, về việc phải thanh toán cho ngân hàng T khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/9645768/HĐTD ký ngày 21/5/2019. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N có hộ khẩu thường trú tại thôn B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

[1.3] Bị đơn ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với tiền nợ gốc: Ngày 21/5/2019, ông Đinh Hoàng T ký hợp đồng tín dụng số 02/2019/9645768/HĐTD với ngân hàng T vay số tiền 130.000.000 đồng. Thời hạn vay 11 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 10,9%/ năm. Mục đích vay: đầu tư, chăm sóc 0,5ha cà phê, tiêu và đầu tư trồng tiêu. Ngày giải ngân 21/5/2019, ngày đáo hạn 21/4/2020, lãi vay được trả theo định kỳ vào các ngày 21/8/2019, 21/11/2019, 21/02/2020 và 21/4/2020.

Hợp đồng tín dụng đã được các bên ký kết là hợp pháp để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N đã trả được số tiền 10.000.000 nợ gốc. Số còn lại 120.000.000 đồng thì ông T, bà N chưa thanh toán cho ngân hàng mặc dù đã được Ngân hàng thông báo, nhắc nhở nhiều lần. Khoản nợ gốc của ông T, bà N đối với số tiền còn lại 120.000.000 đồng đã chuyển sang nợ quá hạn kể

từ ngày 21/4/2020, lỗi hoàn toàn thuộc về ông T, bà N. Ngân hàng yêu cầu ông T, bà N phải hoàn trả số tiền nợ gốc còn lại 120.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền nợ lãi: Khi ký kết hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất quá hạn (lãi phạt) cũng như lãi chậm trả đối với lãi... Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà N chỉ mới thanh toán cho ngân hàng số tiền 7.647.147 đồng lãi suất. Ngoài số tiền lãi đã trả như trên thì ông T, bà N chưa trả khoản nào cho ngân hàng và ngân hàng yêu cầu tính lãi suất (bao gồm lãi trong hạn + lãi quá hạn + lãi chậm trả đối với lãi) của số nợ mà ông T, bà N đã nợ theo mức lãi như hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ.

Tính đến ngày 30/7/2021 thì ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N đã nợ và phải trả cho ngân hàng số tiền gốc là 120.000.000 đồng và lãi suất 31.486.091 đồng (trong đó, lãi trong hạn 22.249.644 đồng + lãi quá hạn 8.424.356 đồng + lãi chậm trả đối với lãi 812.091 đồng), tổng cộng là 151.486.091 đồng.

Ông T, bà N phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 02/2019/9645768/HĐTD kể từ ngày 31/7/2021 cho đến khi trả hết nợ.

[2.3] Về tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp số 01/2017/9465768/HĐBĐ ngày 13/4/2017 giữa bên thế chấp ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N với bên nhận thế chấp là Ngân hàng T đều có chữ ký của các bên và đã được chứng thực tại UBND xã T nên việc thế chấp này là hợp pháp.

Trường hợp ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N thanh toán hết khoản nợ trên cho BIDV thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận QSD đất số BT095442 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 08/10/2015 cho ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Nếu ông T, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng thì sau khi bản án có hiệu lực, ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận QSD đất số BT095442 để thu hồi nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sau khi đã được tính là 7.574.000 đồng.

Nguyên đơn ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 299, 463 và 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1.1. Buộc ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N phải trả cho Ngân hàng T số tiền 151.486.091 đồng (trong đó nợ gốc 120.00.000 đồng + nợ lãi tính đến ngày 30/7/2021 là 31.486.091 đồng).

Kể từ ngày 31/7/2021, ông T và bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 02/2019/9645768/HĐTD cho đến khi thanh toán xong nợ.

1.2. Trường hợp ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N thanh toán hết nợ cho ngân hàng T thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận QSD đất số BT095442 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 08/10/2015 cho ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N.

1.3. Trường hợp ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận QSD đất số BT095442 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Ông Đinh Hoàng T, bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 7.574.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 3.527.000 đồng (do ông Mai Hoàng M nộp) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015206 ngày 04/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Cảnh Toàn